

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, năm 2023 và phân bổ
chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 473/BC-KTNS ngày 16 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh giảm 24.817.517 triệu đồng kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh. Cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm 4.793 triệu đồng kế hoạch vốn nguồn thu xổ số kiến thiết do số thu ngân sách từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2022 đạt 55.207 triệu đồng, thấp hơn 4.793 triệu đồng so với dự toán được HĐND tỉnh giao.

2. Điều chỉnh giảm 20.024.517 triệu đồng do thu hồi của các dự án hết thời gian thực hiện và giải ngân.

Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 14.679.741 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 5.344.776 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh.

1. Điều chỉnh tăng 20.162.016 triệu đồng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định.

Trong đó:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh do thu hồi của các dự án hết thời hạn giải ngân kế hoạch năm 2022: 20.024.517 triệu đồng tại Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn thu xổ số kiến thiết kết dư ngân sách năm 2021 đã hạch toán chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2023: 137.498,8 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

2.1. Tổng vốn điều chỉnh: 12.220 triệu đồng.

2.2. Phương án điều chỉnh

Điều chỉnh giảm 12.220 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 03 dự án đã được bố trí đủ nhu cầu và một phần vốn chưa phân bổ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; số vốn điều chỉnh giảm 12.220 triệu đồng phân bổ thực hiện 03 dự án đủ thủ tục đầu tư.

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

Điều 3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 2):

1. Tổng vốn phân bổ 49.932.016 triệu đồng. Trong đó:

1.1. Nguồn thu hồi của các dự án hết thời hạn giải ngân kế hoạch năm 2022: 20.024.517 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 14.679.741 triệu đồng;

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 5.344.776 triệu đồng.

1.2. Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết kết dư ngân sách năm 2021 đã hạch toán chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2023: 137.499 triệu đồng.

1.3. Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh: 29.770 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh đối ứng các dự án ODA: 2.800 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 20.700 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 6.270 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ (*Biểu chi tiết số 04, 05, 06, 07 kèm theo*)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN
HẾT THỜI HẠN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Số vốn năm 2022 đã hạch toán chuyển nguồn sang năm 2023	Số vốn thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
				Tổng số	TĐ: NST			
	Tổng số			1.509.765	1.062.056	20.024.517	20.024.517	
I	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh			983.881	536.172	14.679.741	14.679.741	
*	Kế hoạch năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			13.000	13.000	168.202	168.202	
1	Xử lý ngập úng khu vực Co Tăng, Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1410 31/10/2019	13.000	13.000	168.202	168.202	
*	Kế hoạch năm 2022			970.881	523.172	14.511.539	14.511.539	
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Na Pản, xã Chiềng Đông	UBND huyện Yên Châu	367 03/3/2021	14.864	8.918	83.140	83.140	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1066 31/5/2021	7.184	7.184	692.570	692.570	
3	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	2895 24/11/2021	19.250	11.550	1.628.463	1.628.463	
4	Đường từ QL6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Công, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	1093 31/5/2021	44.950	44.950	2.215.844	2.215.844	

STT	Dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Số vốn năm 2022 đã hạch toán chuyển nguồn sang năm 2023	Số vốn thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
				Tổng số	TĐ: NST			
5	Tuyến đường từ QL6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND Thành phố	1025 27/5/2021	40.000	40.000	219.934	219.934	
6	Dự án bồi thường hỗ trợ TĐC tuyến đường QL6 (đường tránh TP)	UBND thành phố; UBND huyện Mai Sơn	77 04/4/2018	240.380	240.380	827.000	827.000	
7	Bồi thường, hỗ trợ TĐC xây dựng trụ sở HĐND - UBND, UBMTTQVN và một số sở ban ngành	UBND Thành phố	67 15/01/2017	64.249	64.249	1.325.773	1.325.773	
8	Số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Sơn La	Sở Tư pháp	596 06/4/2022	10.000	10.000	271.000	271.000	
9	Dự án đầu tư xây dựng các nhà văn hóa bản hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa cho các xã chưa đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1016 27/5/2021	16.500	14.850	387.000	387.000	
10	Dự án trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông Đà, sông Mã	Chi cục Kiểm lâm; UBND các huyện, BQL các khu rừng đặc dụng	2690 30/10/2018	154.670	10.910	435.106	435.106	
-	Huyện Thuận Châu					73.110	73.110	
-	Huyện Sốp Cộp					91,,996	91.996	

STT	Dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Số vốn năm 2022 đã hạch toán chuyển nguồn sang năm 2023	Số vốn thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
				Tổng số	TĐ: NST			
-	Chi cục Kiểm lâm					270.000	270.000	
11	Đối ứng dự án ODA			358.834	70.181	6.425.709	6.425.709	
-	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236 QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016	90.847	16.310	1.304.558	1.304.558	
-	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	Sở Y tế	773 02/4/2019	267.987	53.871	5.121.151	5.121.151	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			525.884	525.884	5.344.776	5.344.776	
*	Kế hoạch năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			240.380	240.380	1.012.865	1.012.865	
1	Dự án bồi thường hỗ trợ TĐC tuyến đường QL6 (đường tránh TP)	UBND thành phố; UBND huyện Mai Sơn	77 04/4/2018	240.380	240.380	1.012,865	1.012,865	
*	Kế hoạch năm 2022			285.504	285.504	4.331.911	4.331.911	
1	Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	2732 08/11/2006; 651 24/3/2017	285.504	285.504	4.331,911	4.331.911	

Biểu số 02
BIỂU TỔNG HỢP THU HỒI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch năm 2022 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kết quả thực hiện đến hết ngày 31/01/2022	Phương án thu hồi	Kế hoạch năm 2022 sau thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT						
				Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết					
	Tổng số					60.603.000	55.810.000	4.793.000	55.810,000	
I	Hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM					10.000.000	10.000.000		10.000.000	
1	Huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên				1.180.000	1.180.000		1.180.000	
2	Huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ				1.180.000	1.180.000		1.180.000	
3	Huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn				3.630.000	3.630.000		3.630.000	
4	Huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã				1.390.000	1.390.000		1.390.000	
5	Huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp				690.000	690.000		690.000	
6	Huyện Mường La	UBND huyện Mường La				1.240.000	1.240.000		1.240.000	
7	Thành phố Sơn La	UBND Thành phố				690.000	690.000		690.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch năm 2022 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kết quả thực hiện đến hết ngày 31/01/2022	Phương án thu hồi	Kế hoạch năm 2022 sau thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT						
				Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết					
II	Bố trí các dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			163.450	156.842	50.603.000	45.810.000	4.793.000	45.810.000	
*	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			38.095	36.095	10.584.000	8.351.283	2.232.717	8.351.283	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDT nội trú Mường La	Sở Giáo dục và Đào tạo	1048 31/5/2021	9.000	9.000	3.584.000	3.584,000		3.584.000	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Tân Lang	UBND huyện Phù Yên	1409 30/5/2021	29.095	27.095	7.000.000	4.767.283	2.232.717	4.767.283	
*	Y tế, dân số và gia đình			125.355.33	120.747.35	40.019.000	37.458.717	2.560.283	37.458.717	
1	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1054 30/5/2021	16.500	16.500	4.000.000	4.000.000		4.000.000	
2	Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	1050 30/5/2021	16.500	16.500	4.177.157	4.177.157		4.177.157	
3	Trạm Y tế thị trấn Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	633 28/05/2021	4.464	4.000	1.609.000	1.608.152	0.848	1.608,152	
4	Trạm Y tế xã Mường Lang	UBND huyện Phù Yên	1332 28/5/2021	4.716	4.500	2.090.000	1.587.629	502.371	1.587,629	
5	Trạm Y tế xã Tân Lang	UBND huyện Phù Yên	1332 28/5/2021	5.624	5.500	2.555.000	2.236.835	318.165	2.236,835	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch năm 2022 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kết quả thực hiện đến hết ngày 31/01/2022	Phương án thu hồi	Kế hoạch năm 2022 sau thu hồi	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT						
				Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết					
6	Trạm Y tế phường Chiềng An	UBND Thành phố	1085 31/5/2021	7.636	7.636	3.222.000	2.961.720	260.280	2.961,720	
7	Trạm Y tế xã Mường Tè	UBND huyện Vân Hồ	453 31/5/2021	4.720	4.720	2.056.000	1.921.000	135.000	1.921,000	
8	Trạm Y tế xã Yên Sơn	UBND huyện Yên Châu	554 27/5/2021	6.500	6.500	2.842.000	2.841.058	0.942	2.841,058	
9	Trạm Y tế xã Tông Cọ	UBND huyện Thuận Châu	1486 31/5/2021	7.583	4.000	2.000.000	2.000.000		2.000,000	
10	Trạm Y tế xã Chiềng Pha	UBND huyện Thuận Châu	1487 31/5/2021	4.000	4.000	1.617.000	1.407.000	210.000	1.407,000	
11	Trạm Y tế xã Chiềng Ban	UBND huyện Mai Sơn	1148 28/5/2021	3.767	3.767	1.501.000	1.484.780	16.220	1.484,780	
12	Trạm Y tế thị trấn Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn	1167 31/5/2021	3.844	3.844	1.482.000	1.482.000		1.482.000	
13	Trạm Y tế xã Chiềng Mung	UBND huyện Mai Sơn	1168 31/5/2021	3.762	3.762	1.517.000	1.517.000		1.517.000	
14	Trạm Y tế xã Mường Bon	UBND huyện Mai Sơn	1146 28/5/2021	3.785	3.785	1.578.000	1.566.302	11,698	1.566.302	
15	Trạm Y tế xã Chiềng Chung	UBND huyện Mai Sơn	1147 28/5/2021	3.954	3.954	1.599.000	1.589.891	9.109	1.589.891	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch năm 2022 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kết quả thực hiện đến hết ngày 31/01/2022	Phương án thu hồi	Kế hoạch năm 2022 sau thu hồi	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT						
				Tổng số						TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết
16	Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	15 NQ-HĐND 10/8/2021	17.000	17.000	2.348.000	1.387.870	960.130	1.387.870	
17	Mở rộng, bổ sung cơ sở vật chất cơ sở điều trị Methadone	Sở Y tế	2872 23/11/2021	4.000	3.780	1.200.000	1.200.000		1.200.000	
18	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà khám chữa bệnh khu B, bệnh viện Phong và da liễu tỉnh Sơn La	Bệnh viện Phong và Da liễu	2383 29/9/2021	3.000	3.000	1.425.843	1.290.323	135.520	1.290.323	
19	Trạm Y tế xã Phông Lăng	UBND huyện Thuận Châu	2797 15/11/2021	4.000	4.000	1.200.000	1.200.000		1.200.000	

Biểu số 03
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023			Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 31/3/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
	Tổng số			150.915	120.400	37.367	70.915	36.540	-	-	36.540	12.220	12.220	36.540	
I	Điều chỉnh giảm			78.315	47.800	37.367	70.915	36.540			36.540	12.220		24.320	
I.1	Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn						20.000	20.000			20.000	10.000		10.000	
II.2	Thực hiện dự án			78.315	47.800	37.367	50.915	16.540			16.540	2.220		14.320	
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	1037 28/5/2021	65.000	36.000	24.680	37.500	12.820			12.820	1.500		11.320	
2	Đầu tư xây dựng bổ sung Nhà làm việc, Nhà gấp phạm nhân thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	2654 31/10/2021	7.000	7.000	7.000	7.100	3.100			3.100	100		3.000	
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Đung, Xã Hồng Ngài	UBND huyện Bắc Yên	1072 31/5/2021	6.315	4.800	5.687	6.315	620			620	620		-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 31/3/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số				TĐ: NST	Tổng số						Tỷ lệ
II	Điều chỉnh tăng			72.600	72.600	-	-	-	-	-	-	-	12.220	12.220	
III1	Thực hiện dự án			72.600	72.600	-	-	-	-	-	-	-	12.220	12.220	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng nhà trạm kiểm soát liên hợp lối mở Keo Muông	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	189 06/02/2023	3.600	3.600								2.220	2.220	
2	Khu tập trung bí mật/Bộ CHQS tỉnh (CH-02)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	240 QĐ-QK 21/02/2023	44.000	44.000								6.380	6.380	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng căn cứ hậu cần trong căn cứ hậu phương	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	241 QĐ-QK 21/02/2023	25.000	25.000								3.620	3.620	

Biểu số 04
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
TỪ NGUỒN THU HỒI CỦA CÁC DỰ ÁN HẾT THỜI HẠN GIẢI NGÂN THANH TOÁN NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết ngày 31/3/2023			
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh					
	Tổng số			201.913.000	171.003.000	45.728.000	18.880.000	8.070.000	20.024.517	
I	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh			64.770.000	38.860.000	38.860	17.780	8.070	14.679.741	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	3075 14/12/2021	17.220	10.330	10.330	5.900	1.900	4.430.000	
2	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	2895 24/11/2021	19.250	11.550	11.550	5.080	2.770	4.039.000	
3	Bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tộc, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	158 25/01/2022	28.300	16.980	16.980	6.800	3.400	6.210.741	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết ngày 31/3/2023			
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh					
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			137.143	132.143	6.868	1.100		5.344.776	
1	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu TĐC tập trung Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	798 21/4/2020	34.000	29.000	4.987	1.100		3.887.000	
2	Hệ thống đường giao thông Lô 1 & 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2900 09/11/2017	103.143	103.143	1.881			1.457.776	

Biểu số 05

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TĐ: Đã giao đến hết năm ngày 31/3/2023			
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh					
	Tổng số			7.636.000	7.636.000	7.636.000	7.375.720	1.969.000	137.499	
1	Trạm Y tế phường Chiềng An	UBND Thành phố	1085 31/5/2021	7.636.000	7.636.000	7.636.000	7.375.720	1.969.000	137.499	

Biểu số 06
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (ĐỢT 2)
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn NST		Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TĐ: Đã giao đến hết ngày 31/3/2023		
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh				
	Tổng số			630.563	383.022	229.589	22.495	23.500	
I	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH			250.821	14.500	9.500		2.800	
1	Đối ứng thực hiện dự án ODA			250.821	14.500	9.500		2.800	
1	Dự án thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Sơn La giai đoạn II	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2487 28/11/2022	250.821	14.500	9.500		2.800	
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			379.742	368.522	220.089	22.495	20.700	
a	Dự án hoàn thành			103.143	103.143	1.881		423	
1	Hệ thống đường giao thông Lô 1 & 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2900 09/11/2017	103.143	103.143	1.881		423	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023			77.620	66.400	39.229	22.495	16.277	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn NST		Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TĐ: Đã giao đến hết ngày 31/3/2023		
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh				
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Mường É	UBND huyện Thuận Châu	1052 30/5/2021	14.000	9.500	5.610	2.760	2.393	
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Phông Lập	UBND huyện Thuận Châu	1053 30/5/2021	16.220	9.500	5.610	2.760	2.850	
3	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Pi Toong	UBND huyện Mường La	1098 31/5/2021	9.400	9.400	5.560	2.760	2.800	
4	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Yên	UBND huyện Vân Hồ	1089 31/5/2021	9.500	9.500	5.610	2.760	2.850	
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND thị trấn Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn	1105 31/5/2021	9.500	9.500	5.610	2.760	2.850	
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Ôn	UBND huyện Quỳnh Nhai	1018 27/5/2021	9.500	9.500	5.610	5.060	550	
7	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nà Mường	UBND huyện Mộc Châu	1104 31/5/2021	9.500	9.500	5.619	3.635	1.984	
c	Dự án khởi công mới			198.979	198.979	178.979		4.000	
1	Đường nội thị thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	280 23/02/2023	198.979	198.979	178.979		4.000	

Biểu số 07
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Chương trình/dự án	Kế hoạch năm 2023					Ghi chú
		Tổng số	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			
				Tổng số	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	
	Tổng số	6.270		6.270		6.270	
I	Ngân sách cấp tỉnh	6.270		6.270		6.270	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	6.270		6.270		6.270	